

Bản án số: 171/2026/HS-ST

Ngày: 11/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phong và bà Trần Thị Hải Yến.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Vũ Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Lương Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 156/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 14/9/2009 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình; số CCCD: 035209005406; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thế C và bà Nguyễn Thị Kim C1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/5/2026 đến 14/5/2026 chuyển tạm giam đến nay, tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh N, có mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn T, xã T, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Hải Y - trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N, có mặt.

Người làm công tác xã hội trong hoạt động tư pháp: Bà Nguyễn Thị H - nhân viên phòng Công tác xã hội - Trung tâm B, Sở y tế tỉnh N, vắng mặt.

- Bị hại:

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn C C (nay là thôn P), xã B, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Cháu Lê Quang H1, sinh ngày 08/12/2011; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990; cùng nơi cư trú: Thôn A P, xã N, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Lê Quang H1: Bà Phạm Thị N - trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N, vắng mặt.

+ Cháu Giàng A X, sinh ngày 21/7/2009; người đại diện theo pháp luật: Ông Giàng A P, sinh năm 1982 và bà Chá Thị S1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Bản H, xã N, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Vàng A H2, sinh ngày 15/9/2010; người đại diện theo pháp luật là: Ông Vàng A C2, sinh năm 1984 và bà Mùa Thị C3, sinh năm 1987; nơi cư trú: Bản H, xã N, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Vàng A H2: Bà Phạm Thị N - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn A P, xã N, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

+ Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Thân Văn Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn H3, sinh năm 1996; nơi thường trú: Thôn A, phường L, tỉnh Ninh Bình.

- Người làm chứng: Anh Cao Trung T3; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Ngọc S đã có hành vi trộm cắp tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số người. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 02 năm 2026, Nguyễn Ngọc S ở nhà trọ cùng anh T tại tổ dân phố Q, phường D, tỉnh Ninh Bình. Ngày 01/3/2026, anh Nguyễn Văn T để số tiền 70.810.000 đồng trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 90B2 - 988.27, màu sơn trắng dựng ở phòng trọ. Đêm ngày 01/3/2026, rạng sáng ngày 02/3/2026, anh T có việc đi ra ngoài, anh T đã đưa chìa khóa xe cho S và dặn S ở lại phòng trọ trông nhà cẩn thận. Biết trong cốp xe mô tô của anh T có tiền, S lấy chìa khoá mở cốp xe, lấy toàn bộ số tiền 70.810.000 đồng rồi bỏ đi khỏi phòng trọ. Sau đó, S một mình tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ hai: Do quen biết nhau từ trước, đêm ngày 29/4/2026, Nguyễn Ngọc S đến nhà cháu Lê Quang H1 (là người dưới 16 tuổi) ngủ nhờ. Thấy cháu Lê Quang H1 có chiếc xe máy điện nhãn hiệu Yadea, biển số 35AK - 104.19 và chiếc điện thoại

Iphone 14 Pro max, Nguyễn Ngọc S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy điện và điện thoại của cháu H1 để mang bán lấy tiền tiêu sài. Đến khoảng 11 giờ ngày 30/4/2026, cháu H1 và S rủ nhau đi chơi game tại xã V, tỉnh Ninh Bình, thấy có cơ hội để chiếm đoạt chiếc xe máy điện và điện thoại của cháu H1, S điều khiển xe máy điện nhãn hiệu Yadea, biển số 35AK - 104.19 chở cháu H1 đến quán I thuộc thôn N, xã V, tỉnh Ninh Bình để chơi game. Trên đường đi, Nguyễn Ngọc S nói dối cháu H1 là mượn xe máy điện để đi lấy tiền, mượn điện thoại để xem định vị rồi về trả ngay. Cháu H1 tưởng thật nên trên đường đi đã đưa chiếc điện thoại Iphone 14 Pro max cho S cầm. Khi đến cửa quán I, cháu H1 đưa xe máy điện cho S. Sau đó, S tắt nguồn điện thoại của cháu H1 để H1 không liên hệ được rồi S điều khiển chiếc xe máy điện, biển số 35AK - 104.19 của cháu H1 đến cửa hàng xe máy, xe điện Thanh Toàn tại tổ dân phố T, phường Đ, tỉnh Ninh Bình gặp anh Đặng Văn T2 là chủ cửa hàng, S nói xe máy điện của S không sử dụng nên bán, anh T2 đồng ý mua với giá 2.800.000 đồng. Nhận được tiền, S bắt xe taxi đi lên khu vực phường N, tỉnh Bắc Ninh để bán chiếc điện thoại Iphone 14 Pro max của cháu H1. Khi S đến cửa hàng Đ mobile ở tổ dân phố M, phường N, tỉnh Bắc Ninh gặp anh Thân Văn Q là chủ cửa hàng, S nói điện thoại của S quên mật khẩu, S không dùng mang bán, anh Q đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 1.000.000 đồng. Sau đó, Nguyễn Ngọc S đã một mình tiêu sài cá nhân hết số tiền trên.

Lần thứ ba: Sáng ngày 02/5/2026, Nguyễn Ngọc S đi xe khách từ khu vực phường N, tỉnh Bắc Ninh về khu trọ ở tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình để gặp anh Cao Trung T3. Tại đây, anh T3 rủ S sang phòng trọ của anh Giàng A X. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh T3 nhờ anh Giàng A X lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển số 28N1 - 508.36 chở anh T3 và S về phòng trọ ở phường L, tỉnh Ninh Bình. Anh Giàng A X bận việc và không thuộc đường nên đưa chìa khoá xe mô tô và giao xe cho bạn là cháu Vàng A H2 đi cùng để quản lý xe và mang xe mô tô về. Cháu Vàng A H2 định điều khiển xe chở anh T3 và S đi thì S nói với cháu H2: *“Mày còn bé anh sợ đi đâm vào người ta, đưa anh đi cho”*. Lúc này, cháu H2 đồng ý thì S điều khiển xe chở cháu H2 và anh T3 đi về phòng trọ. Trên đường đi S có ý định sẽ nói dối chờ cơ hội thuận lợi để chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 28N1 - 508.36 mang bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. S điều khiển xe đi đến trước cửa khu trọ tại tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình, khi S dừng xe thì anh T3 và cháu H2 xuống xe, S thả túi quần áo của anh T3 xuống đất và nói dối bảo cháu H2 mở túi quần áo này kiểm tra bên trong túi có ma túy. Khi cháu H2 đang kiểm tra túi, anh T3 mở cửa phòng trọ thì S tiếp tục nói dối cháu H2 cho mượn xe đi có việc một lát thì cháu H2 đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô, biển số 28N1 - 508.36 đi luôn. Đi được một đoạn thì S dừng xe, mở cốp xe kiểm tra, thấy bên trong cốp xe có đăng ký của xe mô tô, biển số 28N1 - 508.36. Sau đó, S điều khiển xe đến quán K tại tổ C, phường P, tỉnh Ninh Bình gặp anh Phạm Văn H3 là chủ quán, S nói với anh H3 chiếc xe mô tô là của S không dùng nên mang bán, anh Phạm Văn H3 hỏi đăng ký của xe có chính chủ không, S nói xe không chính chủ thì anh Phạm Văn H3 đồng ý mua với giá 9.000.000 đồng và trả tiền cho S. Sau đó, S đã một mình tiêu sài cá

nhân hết số tiền trên. Đến ngày 06/5/2026 cháu Lê Quang H1 và ngày 07/5/2026 anh Nguyễn Văn T, cháu Vàng A H2 làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đề nghị điều tra, giải quyết theo quy định pháp luật.

* *Về vật chứng, tài sản tạm giữ gồm:* Anh Đặng Văn T2 tự nguyện giao nộp 01 xe máy điện nhãn hiệu YADEA, màu sơn: đen, biển số 35AK - 104.19, xe không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng. Anh Thân Văn Q tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu đen, điện thoại cũ, đã qua sử dụng. Anh Phạm Văn H3 tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu sơn: đen, biển số 28N1 - 508.36, xe không có gương chiếu hậu, xe cũ đã qua sử dụng và 01 đăng ký của chiếc xe trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐGTS ngày 13/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã V, tỉnh Ninh Bình kết luận:

“ Giá trị của chiếc xe máy điện và chiếc điện thoại di động được mô tả như trên tại thời điểm định giá ngày 30/4/2026 là: 29.925.000 đồng. (Trong đó chiếc xe máy điện có giá trị là 16.150.000 đồng và chiếc điện thoại di động có giá trị là 13.775.000 đồng). Giá trị của chiếc xe mô tô được mô tả như trên tại thời điểm định giá ngày 02/5/2026 là 11.700.000 đồng”.

Tại bản cáo trạng số 95/CT-VKS NB-KV6 ngày 17/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc S về tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55 ; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 12, Điều 119, Điều 121 Luật tư pháp người chưa thành niên: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Bị cáo khi phạm tội là người dưới 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên áp dụng quy định của pháp luật về xử lý người chưa thành niên phạm tội; sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo đã bồi thường xong và được các bị hại, người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ấn định mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại.

[2] Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Ngọc S, sinh ngày 14/9/2009 đã thực hiện một số hành vi như sau:

Đêm ngày 01/3 rạng sáng ngày 02/3/2026 tại nhà trọ ở tổ dân phố Q, phường D, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Ngọc S lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu đã trộm cắp số tiền 70.810.000 đồng của anh Nguyễn Văn T.

Khoảng 11 giờ ngày 30/4/2026 tại thôn N, xã V, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Ngọc S đã bằng thủ đoạn gian dối hỏi mượn rồi chiếm đoạt chiếc xe máy điện nhãn hiệu Yadea, biển số 35AK - 104.19, có giá trị là 16.150.000 đồng và chiếc điện thoại Iphone 14 Pro max, có giá trị là 13.775.000 đồng của cháu Lê Quang H1, sinh ngày 08/12/2011 (là người dưới 16 tuổi).

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/5/2026, tại tổ dân phố T, phường L, tỉnh Ninh Bình, Nguyễn Ngọc S đã bằng thủ đoạn gian dối hỏi mượn rồi chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển số 28N1 - 508.36, có giá trị là 11.700.000 đồng từ cháu Vàng A H2.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình truy tố bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả xong và những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Kết luận định giá tài sản và các vật chứng, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó bị cáo được áp dụng tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Nguyễn Ngọc S hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phạm tội đối với người dưới 16 tuổi nên bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Trong thời gian ngắn, bị cáo đã phạm nhiều tội và tội phạm ngày càng nguy hiểm, táo bạo hơn, làm ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo lắng của nhân dân trong việc quản lý tài sản. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên, căn cứ tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân cũng như độ tuổi của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm hòa nhập cộng đồng xã hội, thể hiện chính sách pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Thế C (là bố đẻ của Nguyễn Ngọc S) đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 70.810.000 đồng; cháu Lê Quang H1 số tiền 8.000.000 đồng; anh Phạm Văn H3 số tiền 9.000.000 đồng và anh Đặng Văn T2 số tiền 2.800.000 đồng. Anh Thân Văn Q không yêu cầu S phải trả số tiền 1.000.000đ đã mua điện thoại. Các bên đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong và không ai đề nghị xem xét thêm về phần bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy điện nhãn hiệu YADEA, biển số 35AK - 104.19 và chiếc điện thoại Iphone 14 Promax là tài sản hợp pháp của cháu Lê Quang H1 được mẹ đẻ là chị Nguyễn Thanh T1 mua đứng tên cho cháu H1. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe máy điện và chiếc điện thoại trên cho cháu H1. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển số 28N1 - 508.36, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Giàng A X. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cùng giấy đăng ký của xe cho anh Giàng A X. Những người chủ sở hữu hợp pháp đều nhất trí nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với anh Đặng Văn T2 mua chiếc xe máy điện nhãn hiệu Yadea, biển số 35AK - 104.19; anh Phạm Văn H3 mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave

Anpha, biển số 28N1 - 508.36; anh Thân Văn Q mua chiếc điện thoại Iphone 14 Pro max đều không biết S phạm tội mà có nên Cơ quan CSĐT Công tỉnh N không có căn cứ để xử lý các anh về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với anh Cao Trung T3 là bạn của S, quá trình điều tra xác định anh T3 không bàn bạc, không biết, không được hưởng lợi gì từ việc phạm tội của S. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N không có căn cứ để điều tra, xử lý đối với anh T3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 12, Điều 119, Điều 121 Luật tư pháp người chưa thành niên; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc S 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” và 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2026.

3. Án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo; người bị hại; người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao (vụ GDKT I).
 - TAND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND khu vực 6 - Ninh Bình;
 - Trại tạm giam - CA tỉnh Ninh Bình;
 - Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA
- hình sự - Công an tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
 - Bị cáo; đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai Hương